TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày 13/11/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hào

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/2019/TLST-DS ngày 22/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Điểu T**, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn B, xã Đ K, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông **Điểu V**, sinh năm 1970 và bà **Thị H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã Đ K, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Điểu T trình bày đơn tại khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ thân quen nên vào ngày 06/12/2013 ông T cho vợ chồng ông Điểu V, bà Thị H vay 02 chỉ vàng loại vàng 9999, khi vay hai bên có nhờ ông Điểu Xuân Nh viết hộ "giấy hợp đồng vay vàng", bên dưới giấy người vay vàng ông V, bà

H cùng ký tên vào giấy. Ông V, bà H hẹn ông T sẽ trả lại vàng vào ngày 30/5/2014. Vay không tính lãi suất. Tại giấy vay có thể hiện ông V, bà H có thế chấp cho ông T nhà đất khi vay tiền, tuy nhiên thực tế thì ông V, bà H không thế chấp tài sản gì cả. "Giấy hợp đồng vay vàng" có xác nhận của ông Điểu B là trưởng thôn B về nội dung vay vàng là có thật.

Tiếp tục vào ngày 09/12/2013 ông T cho vợ chồng ông V, bà H vay tiếp 01 chỉ vàng loại vàng 9999, khi đó cũng nhờ ông Điểu Xuân Nh viết hộ nội dung việc vay vào mặt sau của "giấy hợp đồng vay vàng", bên dưới ông Nh có ký tên vào giấy với tư cách người làm chứng. Ông V, bà H hẹn ông T khi nào có tiền sẽ trả. Vay không tính lãi suất.

Cả hai lần vay vàng, ông V, bà H đều vay vàng để bán lấy tiền, trị giá 01 chỉ vàng loại 9999 thời điểm vay là 3.500.000 đồng, ông V, bà H dùng tiền này để bồi thường thiệt hại cho người khác.

Tuy nhiên từ ngày vay vàng cho đến hôm nay, ông V, bà H chưa trả cho ông T được số vàng hay số tiền nào cả, do đó ông T khởi kiện yêu cầu ông V, bà H có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 10.500.000 đồng là giá trị của 03 chỉ vàng loại 9999, trị giá 01 chỉ vàng là 3.500.000 đồng, ông T không yêu cầu tính tiền lãi vay.

Người làm chứng ông Điểu Xuân Nh trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như sau:

Trước đây ông Nh là Thanh tra thôn B H 1, xã Đ K và ông Nh cũng sinh sống tại thôn B H 1 nên vào ngày 06/12/2013 ông Điểu To có nhờ ông Nh viết dùm giấy vay vàng cho vợ chồng ông Điểu V, bà Thị H vay 02 chỉ vàng thì ông Nh đồng ý viết giấy. Lúc đó ông T có đưa cho ông V, bà H 02 chỉ vàng, loại vàng 9999, không tính lãi suất vay. Ông V, bà H hẹn đến ngày 30/5/2014 sẽ trả lại vàng. Sau khi ông Nh viết giấy xong thì ông V, bà H cùng ký tên phần người mượn. Khi đó ông T cho ông V, bà H vay tiền mục đích để lấy tiền bồi thường thiệt hại cho người khác. Sau khi lập giấy thì mọi người cùng đem giấy lên nhà ông Điểu B là trưởng thôn ký xác nhận, nên ông B viết xác nhận và ký tên vào giấy.

Ngoài ra vào ngày 09/12/2013 ông Điểu V, bà Thị H tiếp tục vay của ông T 01 chỉ vàng, vay để bồi thường thiệt hại thêm. Là vàng 9999, ông Điểu V, bà Thị H hẹn ông T khi nào có tiền thì sẽ trả. Chính ông Nh cũng là người viết hộ nội dung việc vay vàng này thêm vào mặt sau của "giấy hợp đồng vay vàng" ngày 06/12/2013, sau đó ông Nh có ký vào giấy với tư cách người làm chứng. Lần vay này ông T không tính lãi suất vay. Tuy nhiên ông T không yêu cầu ông V, bà H ký vào giấy do tin tưởng. Ông V bà H đã nhận 01 chỉ vàng của ông T.

Vào ngày 09/12/2019 ông V, ông T và ông Nh cùng đi bán giá 01 chỉ vàng 9999 là 3.500.000 đồng nên ông Nh có viết vào giấy là giá 01 chỉ vàng bằng tiền 3.500.000 đồng.

Người làm chứng ông Điểu B trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như sau:

Vào ngày 06/12/2013 ông T có đến nhà ông B nhờ làm chứng và xác nhận của đại diện thôn về việc ông T cho vợ chồng ông V, bà H vay 02 chỉ vàng loại 9999. Khi đó ông B là Trưởng thôn B H 1, xã Đ K. Sau khi ông T, ông V, bà H thỏa thuận xong các nội dung và ông Điểu Xuân Nh viết hộ xong giấy vay thì ông B có viết xác nhận nội dung vào mặt sau của giấy vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn ông Điểu T thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Điểu V, bà Thị H cư trú tại thôn B H 1, xã Đ K, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Điểu V, bà Thị H mặc dù có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Điểu V, bà Thị H vẫn vắng mặt trong các lần làm việc. Tại phiên tòa hôm nay ông Điểu V, bà Thị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Điểu V, bà Thị H.

[3] Về việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án: Giữa các đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 06/12/2013 và ngày 09/12/2013 là các thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, giao dịch này đến thời điểm xét xử vụ án vẫn đang được thực hiện do ông Điểu V, bà Thị H chưa thực hiện việc trả nợ. Do một số quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2005 khác các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản để xét xử vụ án.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Điểu T yêu cầu bị đơn ông Điểu V, bà Thị H trả số tiền 10.500.000 đồng tương đương với giá trị 03 chỉ vàng loại vàng 9999 đã xác lập giữa ông T và ông Điểu V, bà Thị H vào ngày 06/12/2013 và ngày 09/12/2013.

Yêu cầu khởi kiện được ông T chứng minh qua lời trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa; đồng thời lời trình bày của ông Tong cũng phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với chứng cứ của việc vay tiền đó là "giấy hợp đồng vay vàng".

Căn cứ "giấy hợp đồng vay vàng" là bản gốc, có chữ ký và viết họ tên của người vay thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay với ông T để vay 03 chỉ vàng loại vàng 9999. Giấy vay được người khởi kiện ông T cung cấp, không bị xé bỏ, gạch xóa. Do đó đây là căn cứ chứng minh về việc vay vàng giữa các đương sự. Do đó có

căn cứ xác định việc ông Điểu V, bà Thị H xác lập hợp đồng vay với ông T 03 chỉ vàng loại vàng 9999 là có thật. Do đó cần buộc ông Điểu V, bà Thị H có nghĩa vụ trả lại ông T 03 chỉ vàng tương đương với số tiền 10.500.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc ông V, bà H có nghĩa vụ trả 03 chỉ vàng tương đương với số tiền 10.500.000 đồng. Xét thấy đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điểu T.

Buộc bị đơn ông Điểu V, bà Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Điểu T.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Điểu V, bà Thị H phải chịu.

Trả lại nguyên đơn ông Điểu T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019799 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hải Ly